

Số: 2571 /TCT-TNCN

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2014.

V/v hướng dẫn vướng mắc về
hoàn thuế thu nhập cá nhân.

Kính gửi: Cục thuế tỉnh Hưng Yên.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 1496/CT-TNCN ngày 29/5/2014 của Cục thuế tỉnh Hưng Yên vướng mắc khi giải quyết hoàn thuế thu nhập cá nhân. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại Khoản 3 Điều 8 và điểm c, Khoản 2, Điều 26 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“Điều 8. Xác định thu nhập chịu thuế từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công

...

3. Thu nhập chịu thuế đối với cá nhân vừa có thu nhập từ kinh doanh, vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công là tổng thu nhập chịu thuế từ kinh doanh và thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công.”

“Điều 26. Khai thuế, quyết toán thuế

...

2. Khai thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh

...

c) Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh có trách nhiệm khai quyết toán thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ khai thuế tiếp theo,...

- Tại Khoản 2 Điều 60 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính, hướng dẫn như sau:

“Điều 60. Kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế

...

2. Kiểm tra để làm rõ nội dung cần bổ sung trong hồ sơ thuế

a) Trường hợp qua kiểm tra, đối chiếu, so sánh, phân tích xét thấy có nội dung khai chưa đúng, số liệu khai không chính xác hoặc có những nội dung cần xác minh liên quan đến số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn, cơ quan thuế thông báo bằng văn bản đề nghị người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo mẫu số 01/KTTT ban hành kèm theo Thông tư này.”

- Tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính, hướng dẫn như sau:

“Điều 6. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính về thuế

1. Phạt cảnh cáo

Phạt cảnh cáo áp dụng đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo. Hình thức xử phạt cảnh cáo được quyết định bằng văn bản.

2. Phạt tiền

a) Đối với hành vi vi phạm về thủ tục thuế: Phạt theo số tiền tuyệt đối tối đa không quá 200 triệu đồng đối với người nộp thuế là tổ chức có hành vi vi phạm về thủ tục thuế. Mức phạt tiền tối đa không quá 100 triệu đồng đối với người nộp thuế là cá nhân có hành vi vi phạm về thủ tục thuế theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

...

b) Đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn: Phạt 20% số tiền thuế thiếu, số tiền thuế được hoàn. Mức phạt tiền được áp dụng cho người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình và cá nhân theo quy định tại Điều 107 Luật quản lý thuế.

c) Đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế: Phạt từ 1 đến 3 lần số tiền thuế trốn đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế. Mức phạt tiền quy định tại Điều 13 Thông tư này là mức phạt tiền áp dụng đối với người nộp thuế là tổ chức, mức phạt tiền đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân bằng $\frac{1}{2}$ mức phạt tiền đối với tổ chức.”

- Tại điểm a Khoản 5 Điều 10 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính, hướng dẫn như sau:

“5. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế

a) Sau khi hết hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định, người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế.

...

Hồ sơ khai thuế bổ sung được nộp cho cơ quan thuế vào bất cứ ngày làm việc nào, không phụ thuộc vào thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của lần tiếp theo, nhưng phải trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế...”

- Tại điểm b Khoản 4 Điều 58 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính, hướng dẫn như sau:

“4. Kiểm tra sau hoàn thuế đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau

...

b) Đối với trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này, việc

kiểm tra sau hoàn thuế được thực hiện theo nguyên tắc quản lý rủi ro trong thời hạn 10 (mười) năm, kể từ ngày có quyết định hoàn thuế.”

- Tại điểm a Khoản 2 Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“2. Chứng từ khấu trừ

a) Tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập đã khấu trừ thuế theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều này phải cấp chứng từ khấu trừ thuế theo yêu cầu của cá nhân bị khấu trừ. Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khấu trừ.”

- Tại điểm 2.1 Khoản 2 và Khoản 3 Mục II Công văn số 336/TCT-TNCN ngày 24/01/2014 của Tổng cục Thuế có hướng dẫn:

“2. Trường hợp không ủy quyền quyết toán thuế

2.1. Cá nhân đảm bảo điều kiện được ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế theo hướng dẫn tại điểm 1 nêu trên nhưng đã được tổ chức, cá nhân trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN thì không ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã thu hồi và hủy chứng từ khấu trừ thuế đã cấp cho cá nhân).

...

3. Trường hợp điều chỉnh sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế

Cá nhân sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế, tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân, nếu phát hiện cá nhân thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập không điều chỉnh lại quyết toán thuế TNCN, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân theo số quyết toán và ghi vào góc dưới bên trái của chứng từ khấu trừ thuế nội dung: “*Công ty ... đã quyết toán thuế TNCN thay cho Ông/Bà (theo ủy quyền) tại dòng (số thứ tự) ... của Bảng kê 05A/BK-TNCN*” để cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế.”

Căn cứ vào các hướng dẫn nêu trên thì:

1. Cá nhân có thu nhập nhiều nơi có trách nhiệm tổng hợp thu nhập, khai quyết toán thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ khai thuế tiếp theo. Trường hợp, người nộp thuế có thu nhập nhiều nơi nhưng kê khai thu nhập tại một nơi, thì cơ quan thuế ra thông báo đề nghị người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo mẫu số 01/KTTT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính. Tùy theo mức độ vi phạm, cơ quan thuế xử phạt vi phạm hành chính về thuế như đã nêu tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính. Trên cơ sở giải trình của người nộp thuế và dữ liệu trên hệ thống quản lý thuế, cơ quan thuế cho khấu trừ số thuế đã nộp và xác định lại số thuế còn phải nộp hoặc số thuế nộp thừa.

2. Trường hợp cơ quan thuế đang xử lý hồ sơ hoàn thuế cho tổ chức, cá nhân, khi yêu cầu người nộp thuế giải trình về hồ sơ tài liệu liên quan thì tổ chức, cá nhân nộp tờ khai quyết toán bổ sung. Khi chưa có quyết định thanh tra, kiểm tra thuế nếu cá nhân, tổ chức phát hiện sai sót trong tờ khai nộp lần đầu thì được phép nộp tờ khai bổ sung. Cơ quan thuế căn cứ theo tờ khai bổ sung của tổ chức, cá nhân đã nộp để xử lý hoàn thuế. Tuy nhiên, để quản lý rủi ro, cơ quan thuế kiểm tra sau hoàn thuế trong thời hạn 10 (mười) năm, kể từ ngày có quyết định hoàn thuế.

3. Trường hợp cá nhân thuộc đối tượng quyết toán trực tiếp với cơ quan thuế, nhưng vẫn làm uỷ quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thay thì xử phạt cá nhân về hành vi vi phạm hành chính về thuế. Nếu cá nhân không làm uỷ quyền quyết toán, nhưng tổ chức trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế đồng thời vẫn thực hiện quyết toán thay cho cá nhân thì xử phạt tổ chức trả thu nhập hành vi vi phạm hành chính về thuế. Các hình thức xử phạt tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính về thuế được nêu tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính.

Tổng cục Thuế trả lời để Cục thuế tỉnh Hưng Yên được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục CNTT;
- Vụ Pháp chế;
- Vụ KK&KTT;
- Website Tổng cục Thuế;
- Lưu: VT, TNCN.r

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ QUẢN LÝ THUẾ TNCN
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Duy Minh